



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SÔNG HỒNG**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9<sup>u</sup> /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2024

### **TỜ TRÌNH**

**Về việc: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động  
của Tổng công ty cổ phần Sông Hồng**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024  
Tổng công ty cổ phần Sông Hồng**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội  
Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Sông Hồng;

Căn cứ các quy định của Pháp luật và tình hình thực tế,

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã thực hiện rà soát các nội dung Điều lệ Tổ  
chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Để đảm bảo tính pháp lý và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt  
động của Tổng công ty, Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Sông Hồng kính trình  
Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty xem xét, thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung  
Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty (có dự thảo các nội dung sửa đổi, bổ  
sung Điều lệ kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi ;
- Lưu: TCHC TCT.



**Trần Huyền Linh**



**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

TT	ĐIỀU/ KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
1	<b>Điều 1.1</b>	b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.	b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020. c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	Sửa đổi theo Luật doanh nghiệp 2020 hiện hành Bổ sung cho phù hợp với công ty đại chúng
2		e. "Người có liên quan" ..... Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp	f. "Người có liên quan" ..... Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi theo Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2020
3		<b>CHƯƠNG II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY</b>	<b>CHƯƠNG II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY</b>	
4	<b>Điều 2.5</b>	Tổng giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty cổ phần Sông Hồng.....	<b>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty</b> Tổng giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty cổ phần Sông Hồng.....	Tách Điều 2.5 sửa đổi thành Điều 3 cho phù hợp theo Điều

				12 Luật Doanh nghiệp 2020
5	Điều 3	Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	Điều 4: Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	Tăng lên 1 điều do bổ sung Điều 3
6	Điều 4	Phạm vi kinh doanh và hoạt động	Điều 5: Phạm vi kinh doanh và hoạt động	
7	Điều 5	Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	
8	Điều 6	Chứng chỉ cổ phiếu	Điều 7: Chứng chỉ cổ phiếu	
9	Điều 7	Chứng chỉ chứng khoán khác	Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác	
10	Điều 8	Chuyển nhượng cổ phần	Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần	
11	Điều 9.4	Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Tổng công ty. Hội đồng quản trị.....	Điều 10.4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Tổng công ty, là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị.....	Sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp 2020
12	Điều 11.1	c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành	Điều 12.1.c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan	Sửa đổi theo điểm d, khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2020
13	Điều 11.2	h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 129 của Luật Doanh nghiệp	Điều 12.2. h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 132 của Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi theo khoản 1 Điều 132 của Luật Doanh nghiệp 2020
14		Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong	Điều 12.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây: a. Xem xét trích lục....	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 115 Luật

15		<p>thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có quyền sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đề cử người vào .....</li> <li>Xem xét trích lục....</li> <li>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp</li> <li>Yêu cầu Ban kiểm soát...</li> <li>Các quyền khác...</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp</li> <li>Yêu cầu Ban kiểm soát...</li> <li>Các quyền khác...</li> </ol> <p><b>Điều 12.4.</b> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông</li> <li>Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử</li> </ol>	<p>Doanh nghiệp năm 2020</p> <p>Sửa đổi theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>
	<p>Nghĩa vụ của cổ đông:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li></li> </ol>		<p><b>Điều 13.</b> Nghĩa vụ của cổ đông: Ngoài 5 khoản cũ thì bổ sung thêm khoản 6 và 7:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông</li> </ol>	

	<b>Điều 12</b>	<p>2. 3. 4. 5.</p>	<p>tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>7. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra</p>	<p>Bổ sung khoản 6 và 7 cho phù hợp với Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
10	<b>Điều 13.3</b>	<p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị...</p>	<p><b>Điều 14.3.d.</b> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị...</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>
11		<p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình</p>	<p><b>Điều 14.3.e.</b> Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 153 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>
12		<p>a. Hội đồng quản trị.... khoản 3c điều 13..... Khoản 3d và Khoản 3e Điều 13</p>	<p><b>Điều 14.4.a.</b> Hội đồng quản trị.... khoản 3c điều 14..... Khoản 3d và Khoản 3e Điều 14</p>	<p>Thay đổi số điều do tăng thêm Điều 3</p>

13	<b>Điều 13.4</b>	b. Hội đồng quản trị.... khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp	<b>Điều 14.4.b.</b> Hội đồng quản trị.... khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi theo khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020
14		c. Trường hợp Ban kiểm soát.... Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp	<b>Điều 14.4.c.</b> Trường hợp Ban kiểm soát..... Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi theo khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020
15		o. Tổng công ty ... quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp...	<b>Điều 15.2.o.</b> Tổng công ty ... quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp...	Sửa đổi theo khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020
16	<b>Điều 14.2</b>	Chưa có	<b>Điều 15.2. p.</b> Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020
17		Chưa có	<b>Điều 15.2.q.</b> Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020
18	<b>Điều 17.3</b>	a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp....lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	<b>Điều 18.3.a.</b> Danh sách cổ đông có quyền dự họp ... lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công	Sửa đổi theo khoản 1 Điều 141 Luật

			bổ thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	Doanh nghiệp năm 2020
17	<b>Điều 17.4</b>	a. Người triệu tập họp .... chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc	<b>Điều 18.4.a.</b> Người triệu tập họp .... chậm nhất 21 (hai một) ngày trước ngày khai mạc	Sửa đổi theo khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp năm 2020
18	<b>Điều 17.5</b>	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11...	<b>Điều 18.5.</b> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 4 Điều 12....	Sửa đổi Điều khoản theo Điều lệ
19	<b>Điều 20.2</b>	Các nghị quyết khác được thông qua khi..... tại khoản 1 và khoản 3 Điều này	<b>Điều 21.2.</b> Các nghị quyết khác được thông qua khi..... tại khoản 1, khoản 3 và khoản 6 Điều này	Sửa đổi do bổ sung thêm khoản 6
20		<b>Chưa có</b>	<b>Điều 21. 6.</b> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Sửa đổi theo khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020
21	<b>Điều 21.6</b>	Biên bản kiểm phiếu ... trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.	<b>Điều 22.6.</b> Biên bản kiểm phiếu ... trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.	Sửa “nghị quyết” bằng “Biên bản kiểm phiếu”
22	<b>Điều 22.1</b>	i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.	<b>Điều 23.1.i.</b> Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này	Sửa đổi theo điểm i, khoản



			có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp	1, Điều 150 Luật Doanh nghiệp năm 2020
23	<b>Điều 22.3</b>	Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	<b>Điều 23.3.</b> Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Sửa đổi theo khoản 3, Điều 150 Luật Doanh nghiệp năm 2020
24		Biên bản họp Đại hội đồng cổ ... tài lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty	<b>Điều 23.4.</b> Biên bản họp Đại hội đồng cổ ... tài lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty	
25		Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông tin mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty	<b>Điều 23.5.</b> Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty	Sửa đổi theo Điều 10, Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC
26	<b>Điều 23</b>	<b>Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</b> Trong thời hạn 90 ngày... quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.	<b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</b> Trong thời hạn 90 ngày... quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi theo Điều 151 Luật doanh nghiệp năm 2020
27	<b>Điều 23.1</b>	Trình tự và thủ tục triệu tập họp... trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp	<b>Điều 24.1.</b> Trình tự và thủ tục triệu tập họp... trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp	Sửa đổi theo khoản 2, Điều 152 Luật doanh nghiệp năm 2020

28		<p style="text-align: center;"><b>Chưa có</b></p>	<p><b>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>khảo 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty; e) Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp quy định tại Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị công ty đại chúng</p>
29	<b>Điều 24.2</b>	<p>Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau</p>	<p><b>Điều 25.2.</b> Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm</p>	<p>Bổ sung từ “trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng” cho</p>

		đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp năm 2020
30	<b>Điều 24.3</b>	Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm....	<b>Điều 25.3.</b> Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm....	Sửa đổi theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020
31	<b>Điều 24.1</b>	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị .....Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp.	<b>Điều 25.4.</b> Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp	Sửa đổi theo khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020
32	<b>Điều 24.7</b>	Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng công ty	<b>Điều 25.5.</b> Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng công ty	
33	<b>Điều 24.1</b>	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị.... Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	<b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b> 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Trong đó số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	Sửa đổi theo Điều 154 Luật doanh nghiệp 2020

			2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm... Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục...		
34	<b>Điều 24.4</b>	Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:....	<b>Điều 26.3.</b> Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:...		Sửa đổi thứ tự các Điều khoản
35	<b>Điều 24.5</b>	Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới....	<b>Điều 26.4.</b> Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới		
36	<b>Điều 24.6</b>	Việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo trên website chính thức...	<b>Điều 26.5.</b> Việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo trên website chính thức		
37		e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp	<b>Điều 27.3.e.</b> Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp		Sửa đổi theo điểm đ, khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020
38	<b>Điều 25.3</b>	h. Thông qua hợp đồng mua, bán, ... quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp	<b>Điều 27.3.h.</b> Thông qua hợp đồng mua, bán, ... theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp		Sửa đổi theo điểm h, khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020
35		m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông	<b>Điều 27.3.m.</b> Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông		Sửa “báo cáo quyết toán tài chính” thành “báo cáo tài chính đã được kiểm toán” cho phù hợp thực tế

36	<b>Điều 25.4</b>	Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn...	<b>Điều 27.4.</b> Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn...	Sửa đổi thứ tự các Điều khoản
37	<b>Điều 25.5</b>	Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình...	<b>Điều 27.5.</b> Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình...	
38	<b>Điều 25.6</b>	Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty	<b>Điều 27.6.</b> Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty	
39	<b>Điều 25.7</b> <b>Điều 25.8</b> <b>Điều 25.9</b> <b>Điều 25.10</b>	<b>Các nội dung về Thù lao của Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b> <b>Điều 28.1</b> <b>Điều 28.2</b> <b>Điều 28.3</b> <b>Điều 28.4</b>	Tách các nội dung về thù lao HĐQT riêng thành <b>Điều 28</b> để phù hợp với Điều 163 Luật doanh nghiệp 2020
40	<b>Điều 26</b>	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	<b>Điều 29.</b> Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Sửa đổi thứ tự các Điều khoản
41	<b>Điều 27</b>	Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	<b>Điều 30.</b> Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	Sửa "Kiểm soát viên"
42	<b>Điều 28.7</b>	..... Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị...	<b>Điều 31.7.....</b> Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị...	thành "Thành viên Ban kiểm soát" cho đúng cơ cấu tổ chức của TCT
43			<b>Điều 32: Thư ký Tổng công ty</b>	Thư ký tham mưu, giúp việc cho HĐQT nên

				đề “chương” HĐQT
44	<p><b>Điều 29</b></p> <p><b>Điều 30</b></p> <p><b>Điều 31</b></p> <p><b>Điều 32</b></p> <p><b>Điều 36</b></p>	<p><b>CHƯƠNG VIII</b></p> <p><b>TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY</b></p> <p>Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Cán bộ quản lý</p> <p>Bổ nhiệm, từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</p> <p>Thư ký Tổng công ty</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát</p>	<p><b>CHƯƠNG VIII</b></p> <p><b>TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</b></p> <p>Điều 33: Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Điều 34: Cán bộ quản lý</p> <p>Điều 35: Bổ nhiệm, từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</p>	
45	<p><b>Điều 36.2</b></p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử hai thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử ba thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên</p>	<p><b>Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết có thể đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một thành viên; từ 30% đến dưới 65% được đề cử hai thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 285 Nghị định 155/2020/NĐ-CP về việc ứng cử, đề cử thành viên Ban</p>

			<p>Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Pháp luật</p>	<p>kiểm soát công ty đại chúng</p>
<p>46</p>	<p><b>Điều 36.1</b></p>	<p>Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có ba (03) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.</p>	<p><b>Điều 37: Thành phần Ban kiểm soát</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có ba (03) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán.</li> <li>Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu cử. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</li> <li>Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;</li> <li>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó</li> </ul> </li> <li>Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp...</li> </ol>	<p>Sửa đổi theo khoản 1 Điều 168 và Điều 169 Luật doanh nghiệp 2020</p>

47	<b>Điều 36.1</b>	<p>... Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của Tổng công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Tổng công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Tổng công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 2 Điều 168 và Điều 169 Luật doanh nghiệp 2020</p>
48	<b>Điều 37.1</b>	<p>Tổng công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây....</p> <p>Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát</p>	<p><b>Điều 39: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:</b></p> <p>Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây.....</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 170 Luật doanh nghiệp 2020</p>
49	<b>Điều 37.3</b>	<p>Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát</p>	<p><b>Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 289 Nghị định</p>



		<p>phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người</p>	<p>lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	155/2020/NĐ-CP
50	Điều 37.4	<p>Mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty</p>	<p><b>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.</li> <li>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</li> <li>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp,</li> </ol>	Sửa đổi theo Điều 172 Luật doanh nghiệp 2020

			quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.	
51	CHƯƠNG IX	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT	Sửa đổi thứ tự các "chương" cho phù hợp Điều lệ
52	CHƯƠNG X	BAN KIỂM SOÁT	CHƯƠNG X TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	
53	CHƯƠNG X	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	

54	<b>Điều 40</b> Cổ tức Khoản 5 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt..... Trưng tâm lưu ký	<b>Điều 47: Cổ tức</b> Khoản 5 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt..... Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	Sửa đổi do: Trưng tâm lưu ký đổi tên thành Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
55	<b>Điều 41</b> Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	<b>Điều 48: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</b>	
56	<b>Điều 42</b> Tài khoản ngân hàng	<b>Điều 49: Tài khoản ngân hàng</b>	
57	<b>Điều 43</b> Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	<b>Điều 50: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</b>	
58	<b>Điều 44</b> Năm tài khóa	<b>Điều 51. Năm tài khóa</b>	
59	<b>Điều 45</b> Hệ thống kế toán	<b>Điều 52: Hệ thống kế toán</b>	
60	<b>Điều 46</b> Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý 1. Tổng công ty sẽ ... theo đúng quy định tại Điều 48 của Điều lệ này	<b>Điều 53: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</b> 1. Tổng công ty sẽ ... theo đúng quy định tại Điều 55 của Điều lệ này	
61	<b>Điều 47</b> Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	<b>Điều 54: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</b>	Sửa đổi thứ tự các Điều do bổ sung thêm một số Điều mới
62	<b>Điều 48</b> Kiểm toán	<b>Điều 55: Kiểm toán</b>	
63	<b>Điều 49</b> Con dấu	<b>Điều 56: Con dấu</b>	
64	<b>Điều 50</b> Châm dứt hoạt động	<b>Điều 57: Châm dứt hoạt động</b>	
65	<b>Điều 51</b> Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	<b>Điều 58: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông</b>	
66	<b>Điều 52</b> Gia hạn hoạt động	<b>Điều 59. Gia hạn hoạt động</b>	
67	<b>Điều 53</b> Thanh lý	<b>Điều 60: Thanh lý</b>	
68	<b>Điều 54</b> Giải quyết tranh chấp nội bộ	<b>Điều 61: Giải quyết tranh chấp nội bộ</b>	
69	<b>Điều 55</b> Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	<b>Điều 62: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</b>	

69	Điều 56	<p><b>Ngày hiệu lực</b>          Bản điều lệ này gồm XXI chương 57 điều          Điều lệ được sửa đổi, bổ sung lần thứ tư ngày          15 tháng 8 năm 2019</p>	<p><b>Điều 63: Ngày hiệu lực</b>          Bản điều lệ này gồm XXI chương 64 điều          Điều lệ được sửa đổi, bổ sung lần thứ năm ngày 17 tháng          02 năm 2024</p>	
70	Điều 57	<p><b>Chữ ký...</b></p>	<p><b>Điều 64. Chữ ký....</b></p>	